

PHÉP CỘNG CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Xây dựng biện pháp cộng các số có năm chữ số (không nhớ, có nhớ không quá 2 lần, không liên tiếp).

– Cộng nhẩm trong phạm vi 10 000, tính giá trị của biểu thức.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100 000.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV: Các thẻ số cho bài học, hình vẽ tóm tắt Luyện tập 4 (nếu cần).

HS: Các thẻ số cho nội dung bài học.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

– GV: Khi cộng các số có bốn chữ số, ta phải làm thế nào?

- **Đặt tính.**

Lưu ý điều gì? (Các chữ số cùng hàng đặt thẳng cột với nhau.)

- **Tính.**

Trước khi tính, ta lưu ý điều gì? (Quan sát xem đây có là phép cộng có nhớ không.)

Cộng theo thứ tự nào? (Từ phải sang trái.)

– GV đặt vấn đề: Vậy với phép cộng các số có năm chữ số thì làm thế nào? (Thực hiện như cộng các số có bốn chữ số.)

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu phép cộng các số trong phạm vi 100 000 (không nhớ)

– GV viết bảng: $31\,421 + 12\,515 = ?$

– HS đặt tính rồi tính (bảng con).

– HS dùng độ dùng học tập để kiểm tra lại kết quả vừa tính.

HS so sánh với kết quả đã làm khi thực hiện tính dọc. (Lưu ý: HS nào làm sai kết quả, GV hướng dẫn để HS tự điều chỉnh.)

– GV kết luận: Khi cộng các số trong phạm vi 100 000 ta thực hiện như sau:

- **Đặt tính:** Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- **Cộng:** Cộng từ phải sang trái.

$$\begin{array}{r} 31421 \\ + 12515 \\ \hline 43936 \end{array}$$

$$31421 + 12515 = 43936$$

- 1 cộng 5 bằng 6, viết 6.
- 2 cộng 1 bằng 3, viết 3.
- 4 cộng 5 bằng 9, viết 9.
- 1 cộng 2 bằng 3, viết 3.
- 3 cộng 1 bằng 4, viết 4.

2. Giới thiệu phép cộng các số trong phạm vi 100 000 (có nhớ)

– GV viết bảng: $39421 + 12385 = ?$

– HS thực hiện cá nhân trên bảng con.

– Sửa bài.

+ Nhiều HS nói cách đặt tính và tính.

- **Đặt tính:** Viết số 39421 rồi viết số 12385 sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau, viết dấu cộng, kẻ vạch ngang.
- **Tính từ phải sang trái.**

$$\begin{array}{r} 1 \quad 1 \\ 39421 \\ + 12385 \\ \hline 51806 \end{array}$$

1 cộng 5 bằng 6, viết 6.

2 cộng 8 bằng 10, viết 0, nhớ 1.

4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.

9 cộng 2 bằng 11, viết 1, nhớ 1.

3 cộng 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.

Vậy $39421 + 12385 = 51806$.

+ GV có thể dùng thẻ số giải thích việc “nhớ 1”.

+ Lưu ý HS luôn dò lại để kiểm tra xem viết và tính có đúng không.

3. Thực hành

HS thực hành cá nhân rồi chia sẻ nhóm đôi.

GV có thể nêu lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu của bài.
- HS thực hiện cá nhân.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

Ví dụ:

a) $80000 + 800 + 8 = 80808$, $80808 < 88000$.

b) $65000 + 200 = 65200$.

$60000 + 5200 = 65200$.

c) Chỉ cần so sánh 40000 và 8000.

d) Chỉ cần so sánh 33000 và 3333.

Bài 2:

- HS **tìm hiểu** bài, vận dụng tính nhẩm để thực hiện.
- Sửa bài.
 - + HS nhắc lại thứ tự thực hiện phép tính.
 - + GV lưu ý HS tìm cách tính thuận tiện, chẳng hạn:
 - 3 nghìn + 7 nghìn = 10 nghìn.
 - 10 nghìn + 5 nghìn = 15 nghìn.
 - Nói: 15 000 là giá trị của biểu thức A.

Bài 3:

- HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:
 - Có thể dựa vào cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính.
 - Có thể dựa vào việc tính nhẩm (câu c) và d)).
- HS **thực hiện** cá nhân.
- Sửa bài, khuyến khích HS **giải thích**.
 - Ví dụ: a) Chọn đáp án B vì $6900 + 11900 = 18700$.
 - (Muốn tìm số bị trừ, ta lấy hiệu cộng với số trừ.)
 - Thử lại: $18700 - 11800 = 6900$.

Lưu ý: HS cũng có thể dùng phương pháp thử chọn, không cần làm theo quy tắc.

Bài 4: HS hoạt động cá nhân.

- **Đọc** kĩ đề bài, **xác định**:
- + Cái đã cho:



- + Cái phải tìm: cả hai tháng.
- HS **tìm** cách giải.
- HS **làm** bài cá nhân.

Bài giải

$$17250 + 270 = 17520$$

Tháng thứ hai bán được 17 520 l sữa.

$$17250 + 17520 = 34770$$

Cả hai tháng gia đình đó bán được 34 770 l sữa.

- Sửa bài: GV khuyến khích nhiều HS **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm).

CÙNG CỐ

GV đọc phép tính, HS thực hiện trên bảng con, ví dụ: $28073 + 41905$.

HS nói cách đặt tính và tính.

PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000 (3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Xây dựng biện pháp trừ các số có năm chữ số (không nhớ, có nhớ không quá 2 lần, không liên tiếp).
- Cộng, trừ nhằm trong phạm vi 100 000.
- Củng cố mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ, tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Giải quyết vấn đề đơn giản về tính độ dài quãng đường liên quan đến phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 000.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Các thẻ số cho bài học, bảng Luyện tập 2 và Luyện tập 3 (nếu cần).

HS: Các thẻ số cho nội dung bài học.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

- GV: Khi trừ các số có bốn chữ số, ta phải làm thế nào?

• Đặt tính.

Lưu ý điều gì? (Các chữ số cùng hàng đặt thẳng cột với nhau.)

• Tính.

Trước khi tính, ta lưu ý điều gì? (Quan sát xem đây có là phép trừ có nhớ không.)

Trừ theo thứ tự nào? (Từ phải sang trái.)

- GV đặt vấn đề: Vậy với phép trừ các số có năm chữ số thì làm thế nào? (Thực hiện như trừ các số có bốn chữ số.)

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp trừ trong phạm vi 100 000 (không nhớ)

- GV viết bảng: $43936 - 31421 = ?$

- HS đặt tính rồi tính (bảng con).

- HS dùng đồ dùng học tập để kiểm tra lại kết quả vừa tính.

HS so sánh với kết quả đã làm khi thực hiện tính dọc. (Lưu ý: HS nào làm sai kết quả, GV hướng dẫn để HS tự điều chỉnh.)